

Bản án số: 03/2019/ DSST
Ngày 30/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật**

- **Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc**

2/ - Ông Đinh Khắc Việt

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –**

Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/ TLST- DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 Về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị H**, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: số 72, ấp Đ T, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Thanh P**, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 470/1, ấp T A II, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày: Nguyên trước đây tôi có bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho anh Trần Thanh P. Sau đó đến ngày 05/3/2017 hai

bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là anh P còn thiếu của tôi số tiền phân bón và thuốc trừ sâu là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Anh P có làm biên nhận nợ ngày 05/03/2016 với tôi, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng và anh P hứa đến tháng 6 năm 2017 thì thanh toán dứt điểm nợ gốc và lãi cho tôi nhưng đến nay chưa trả. Tôi có đến nhà đòi nhiều lần nhưng anh P thường xuyên lánh mặt và không thực hiện việc trả nợ cho tôi.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Thanh P trả cho tôi số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Trần Thanh P trình bày: Tại phiên tòa hôm nay thì tôi thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 05/03/2017 là của tôi, tôi thừa nhận có mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu của bà Đặng Thị H số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng, tôi có hẹn với bà H đến tháng 6 năm 2017 thì thanh toán dứt điểm nợ gốc và lãi cho bà H nhưng hiện nay tôi làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ cho bà H.

Nay tại phiên tòa tôi thừa nhận có nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu của bà Đặng Thị H với số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), tôi xin được trả nợ dần cho bà H mỗi năm số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) vào vụ thu hoạch lúa Đông – Xuân ngày 30 tháng 03 hàng năm. Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 15/03/2019 tôi trả nợ cho bà H số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Đặng Thị H với anh Trần Văn P là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà Đặng Thị H yêu cầu bị đơn anh Trần Văn P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trước đây anh P có mua thiếu tiền phân bón và thuốc trừ sâu của bà Đặng Thị H. Đến ngày 05/3/2017 thì anh P và bà H ngồi tính toán nợ với nhau thì tổng cộng anh P còn nợ của bà H số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), anh P có làm biên nhận nợ ngày 05/03/2016 với bà H, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/tháng và anh P hứa đến tháng 6 năm 2017 thì thanh toán dứt điểm nợ gốc và lãi cho bà H nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ. Xét yêu cầu của bà Đặng Thị H yêu cầu tính lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật

này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Như vậy số tiền lãi do chậm trả tiền trong vụ kiện này tính từ ngày 06/03/2017 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 30/01/2019 là 689 ngày cụ thể như sau: $220.000.000đ \times 1,66\% \times 689 \text{ ngày} = 83.874.266đ$ tính tròn là 83.874.000đ (tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 303.874.000đ (ba trăm lẻ ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn anh Trần Thanh P thừa nhận có nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu của bà Đặng Thị H số tiền là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng). Anh P xin trả nợ dần số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) cho bà H mỗi năm số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) vào vụ thu hoạch lúa Đông – Xuân ngày 30 tháng 03 hàng năm. Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 15/03/2019 anh P trả nợ cho bà H số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của anh P thì bà H không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của anh P. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Trần Thanh P.

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Đặng Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H số tiền là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005267 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc anh Trần Thanh P phải nộp: $303.874.000đ \times 5\% = 15.193.700đ$ (mười lăm triệu một trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

3/ Bác lời khai nại của anh Trần Thanh P.

4/ Buộc anh Trần Thanh P trả cho bà Đặng Thị H tổng cộng số tiền gốc và lãi là 303.874.000đ (ba trăm lẻ ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh Trần Văn P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc anh Trần Thanh P nộp 15.193.700đ (mười lăm triệu một trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đặng Thị H số tiền là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005267 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Đặng Thị H và anh Trần Thanh P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Nhật